

Bản án số: 94/2020/HS-ST
Ngày: 23-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 90/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M – sinh năm 1989, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1962 (đã chết); Chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 25/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/6/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản” và ngày 02/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Ngày 01/9/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 (mười tám) tháng từ ngày 07/6/2016 đến ngày 07/12/2017; Bị tạm giam từ ngày 03/7/2020. (Có mặt)

- Bị hại: Ông **Nguyễn T** – sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp x, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Vắng mặt)

1/ Ông **Nguyễn Nhật V** – sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp y, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

3/ Ông **Đặng Văn N** – sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu z, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*: Ông **Nguyễn Quang Đ** – sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N.L 2, xã P.X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M là đối tượng nghiện ma túy và có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Vào khoảng 07 giờ 30 ngày 20/4/2020, M đón xe ôm của ông Nguyễn Quang Đ (tại khu vực Nhà thờ N.L) đến nhà người quen tại xã P.L để xin tiền nhưng không ai ở nhà nên không gặp được. M nói ông Đ chở đến khu vực Ấp 1, xã P.L thì M phát hiện nhà ông Nguyễn T không đóng cửa, xung quanh không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. M nói ông Đ dừng xe đứng đợi ngoài đường để M vào nhà của mình lấy đồ nên ông Đ đứng bên ngoài chờ, sau đó M một mình lén lút đi vào nhà ông T lấy trộm 03 (ba) bao tiêu khô nặng 30kg, M nói với ông Đ đây là tài sản của M nên ông Đ đồng ý chở M đi bán tiêu tại chợ thu mua nông sản của ông Nguyễn Nhật V (tại Ấp y, xã P.L, huyện Tân Phú). Ông V mua 02 (hai) bao tiêu lép cân nặng 23kg với giá 299.000 đồng, còn 01 (một) bao tiêu thì ông V chê tiêu kém không mua nên M bỏ lại. Sau khi bán tiêu, M nói ông Đ chở M quay lại nhà ông T và chờ M ở ngoài, M tiếp tục vào lấy trộm 01 mô tơ bơm nước hiệu Super Win công suất 1.5HP và 01 mô tơ bơm nước hiệu Crocodile công suất 1.0HP, M nói với ông Đ chở Minh đi bán tại cửa hàng sắt thép Trung Nguyên của ông Đặng Văn N (tại Khu z, thị trấn T.P, huyện Tân Phú) với giá 500.000 đồng. M đã sử dụng số tiền bán tài sản trộm cắp được để lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết. Ông T sau khi phát hiện mất trộm tài sản đã trình báo cơ quan công an xã P.L, huyện Tân Phú. Ngày 03/7/2020, M đến Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú để đầu thú. Tại cơ quan điều tra, M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trị giá tài sản thiệt hại: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL.HĐĐGTS ngày 28/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phú xác định: 01 (Một) mô tơ bơm nước hiệu Super Win công suất 1.5HP đã qua sử dụng có giá trị còn lại 550.000 đồng; 01 (Một) mô tơ bơm nước hiệu Crocodile công suất 1HP đã qua sử dụng có giá trị còn lại 350.000 đồng; 30kg hạt tiêu khô, loại tiêu lép có giá trị 405.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị là 1.305.000 đồng.

Theo Cáo trạng số 91/CT-VKSTP-ĐN ngày 25/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức án 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn T đã nhận lại tài sản là 02 (Hai) mô tơ bơm nước, không yêu cầu bồi thường đối với 03 (ba) bao tiêu khô nặng 30kg và không có ý

kiến, yêu cầu gì khác; ông Đặng Văn N không yêu cầu bồi thường đối với số tiền 500.000 đồng; nên không đề nghị xem xét. Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (Hai) mô tơ bơm nước đã trả cho chủ sở hữu; đối với 03 (ba) bao tiêu khô nặng 30kg ông Nguyễn Nhật V đã bán cho người khác không thu hồi được. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị là tương xứng đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Kết luận định giá, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Biên bản bắt bị can để tạm giam, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản xác minh hiện trường... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 07 giờ 30 ngày 20/4/2020, tại ấp x, xã P.L, huyện Tân Phú, Nguyễn Văn M là người đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, có hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn T gồm có 30kg hạt tiêu khô (loại tiêu lép) có giá trị 405.000 đồng, 01 (Một) mô tơ bơm nước hiệu Super Win công suất 1.5HP đã qua sử dụng có giá trị còn lại 550.000 đồng và 01 (Một) mô tơ bơm nước hiệu Crocodile công suất 1HP đã qua sử dụng có giá trị còn lại 350.000 đồng, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 1.305.000đ (Một triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng).

Hành vi của Nguyễn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo sau khi phạm tội đã đầu thú. Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, vì muốn có tiền tiêu xài cho nhu cầu bản thân và mua ma túy sử dụng nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật của Nhà nước, đã gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật, tu dưỡng bản thân trở thành người công dân tốt sống có ích cho xã hội, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn T đã nhận lại tài sản là 02 (Hai) mô tơ bơm nước nên không yêu cầu bồi thường, đối với 03 (ba) bao tiêu khô nặng 30kg ông T không yêu cầu bồi thường, đối với số tiền 500.000 đồng ông Đặng Văn N đã mua tài sản nhưng không yêu cầu bồi thường; ngoài ra ông T, ông N không có ý kiến, yêu cầu gì khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (Hai) mô tơ bơm nước đã trả cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với 03 (ba) bao tiêu khô nặng 30kg ông Nguyễn Nhật V đã bán cho người khác chưa thu hồi được, khi nào có kết quả xử lý sau. Đối với số tiền 299.000 đồng và 500.000 đồng, tổng cộng là 799.000 đồng mà bị cáo có được từ việc bán tài sản do trộm cắp tài sản mà có, đây là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Nhật V và ông Đặng Văn N có mua tài sản của bị cáo nhưng không biết nguồn gốc do bị cáo trộm cắp mà có; đối với ông Nguyễn Quang Đ là người hành nghề xe ôm có chở bị cáo đến nhà ông Nguyễn T và sau đó chở bị cáo cùng các tài sản trộm cắp được đến nhà ông V và ông N nhưng quá trình điều tra bị cáo và ông Đ khai ông Đ không biết việc bị cáo thực hiện hành vi

trộm cắp tài sản; vì vậy không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 46, Điều 47; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2020.

2. Các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo phải nộp số tiền 799.000đ (Bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng